

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HS-ST
Ngày: 30-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Thuỷ

Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lại Minh Liễn

Bà Nguyễn Thị Khuyên

Bà Kháng Mai Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lù Quang T (tên gọi khác: Không)**, sinh ngày 15/8/1986, tại tỉnh Điện Biên. Nơi ĐKKHKT: Số nhà 79, tổ dân phố 1, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở trước ngày bị bắt: Số nhà 64, tổ dân phố 3, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lù Văn D, sinh năm 1935 (đã chết) và con bà Hà Thị L, sinh năm 1944 (đã chết); bị cáo có vợ là Bùi Thị T1, sinh năm: 1985 (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án: Bị cáo có 02 tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/01/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 10/5/2016 chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 07/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 31/10/2019 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/7/2021, đến ngày 13/7/2021 bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lê Đình T2, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của T tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (có mặt tại phiên tòa).

* *Người có nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Vũ Văn L, sinh năm: 1983; địa chỉ: Số nhà 94, tổ dân phố 5, phường M, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt tại phiên tòa);

- Ông Trần Anh T3, sinh năm: 1992; địa chỉ: Bản S, xã P, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên (có mặt tại phiên tòa);

- Bà Hà Thị G, sinh năm: 1984; địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường T1, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên (có mặt tại phiên tòa).

- Ông Vũ Hoài A, sinh năm: 1986; địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên (vắng mặt tại phiên tòa);

- Ông Đinh Văn T4, sinh năm: 1981; địa chỉ: Số nhà 56, tổ dân phố 3, phường T2, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt tại phiên tòa);

- Ông Nguyễn Mạnh Q, sinh năm: 1991; địa chỉ: Số nhà 65, tổ dân phố 7, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt tại phiên tòa);

* *Người chứng kiến:* Ông Vũ Anh T5, sinh năm 1953; địa chỉ: Số nhà 111, tổ dân phố 03, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 07/7/2021, Tổ công tác Công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên làm nhiệm vụ tại tổ dân phố 3, phường T, thành phố Điện Biên Phủ thì phát hiện tại số nhà 64 có nhiều người ra vào, tổ công tác vào nhà kiểm tra phát hiện có 05 người gồm: Lù Quang T, sinh năm 1986; đăng ký thường trú tại tổ dân phố 1, phường N, thành phố Điện Biên Phủ; Vũ Văn L, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố 5, phường T1; Hà Thị G, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố 8, phường T1; Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 1981, trú tại tổ dân phố 7, phường T và Trần Anh T3, sinh năm 1992, trú tại Bản S, xã P, huyện Điện Biên Đông. Tổ công tác giải thích và yêu cầu những người có mặt nếu có đồ vật gì vi phạm pháp luật phải giao nộp ngay, ngay lúc đó Lù Quang T là người thuê nhà đã tự giác lấy từ ngăn tủ đựng quần áo ra giao nộp 01 bọc nilon màu đen bên trong chứa 10 T3i Methamphetamine có khối lượng 197,67 gam và 0,2 gam không phải là ma Túy. Khám xét nơi ở của Lù Quang T thu giữ 0,3 gam Methamphetamine. T khai nhận toàn bộ số ma Túy đó T cất giữ để sử dụng. Về nguồn gốc số ma Túy có được là do ngày 04/7/2021 có người đàn ông tên N, dân tộc Mông, hiện tại đang sinh sống bên Lào đến đòi T trả nợ số tiền 04kg ma Túy đã N đưa cho T đi bán trước đó, N cho T 10 gói Methamphetamine để sử dụng, T đã cất Methamphetamine vào chiếc T3i nilon màu đen để bên trong tủ quần áo. Còn 0,3 gam Methamphetamine là sáng ngày 06/7/2021, T mua được từ một người đàn ông không biết tên, địa chỉ, T mua 07

viên với giá 200.000 đồng tại đường đi xã Na Son, huyện Điện Biên Đông, T đã sử dụng 04 viên, còn 03 viên T đem về nhà cất giấu trong đó: 02 viên cất trên chiếc loa đặt ở bếp và 01 viên cất giấu tại mép giường ngủ. Qua việc điều tra các đối tượng G, Q, T3, L không biết việc T tàng trữ, sử dụng ma túy.

Ngoài lần bị bắt quả tang này, T khai nhận đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma Túy với người đàn ông tên là N ở bên Lào và Đinh Văn T4, trú tại Tổ dân phố 3, phường T2, thành phố Điện Biên Phủ, ngoài ra T còn đưa ma túy cho Vũ Văn L, trú tại tổ dân phố 5, phường T1. Qua điều tra chưa có đủ căn cứ để chứng minh T và các đối tượng về các lần mua bán ma túy này.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian ở Điện Biên Đông từ ngày 05/7/2021 đến trưa ngày 07/7/2021, T đã đưa 1.000.000 đồng cho Hà Thị G đi mua Heroine và L, T, Q, T3, G cùng sử dụng. Qua điều tra chưa đủ căn cứ truy tố trách nhiệm hình sự đối với L, T, Q, T3, G.

Tại Bản Kết luận giám định số 799/GĐ-PC09 ngày 12/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 12 (mười hai) mẫu viên nén màu hồng ký hiệu theo thứ tự từ M1 đến M10 và H1, H2 gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Không tìm thấy chất ma Túy trong 10 (mười) mẫu viên nén màu xanh ký hiệu theo thứ tự từ MX1 đến MX10 gửi giám định.

- Khối lượng vật chứng ký hiệu theo thứ tự từ T1 đến T10 là 199,67 gam; H1: 0,1 gam; H2: 0,2 gam.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về kết luận Giám định nêu trên.

Bản Cáo trạng số 07/CT-VKS-P1 ngày 25/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố ra trước Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên để xét xử Lù Quang T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lù Quang T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma Túy*”. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lù Quang T từ 17 năm tù đến 18 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 1 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lù Quang T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh và điều luật áp dụng mà VKSND tỉnh Điện Biên đã truy tố đối với bị cáo Lù Quang T. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, để tuyên một bản án vừa đảm bảo tính răn đe, giáo dục, vừa đảm bảo chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Lù Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên. Bị cáo hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, không có ý kiến gì tranh luận.

Tại phiên tòa những người có nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn L, Vũ Hoài A, Đinh Văn T4, Nguyễn Mạnh Q đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, những tình tiết liên quan đến vụ án đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và không thay đổi, bổ sung các nội dung đã khai, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng bị cáo Lù Quang T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng và cải tạo thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Qua tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lù Quang T khai nhận: Hồi 15 giờ 30 phút ngày 07/7/2021, tại số nhà 64, tổ dân phố 3, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nơi bị cáo T thuê ở trọ, có Lù Quang T, Vũ Văn L, Hà Thị G, Nguyễn Mạnh Q và Trần Anh T3 đang ở trong nhà, thì Tổ công tác Công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đang làm nhiệm vụ tại tổ dân phố 3, phường T, thành phố Điện Biên Phủ vào kiểm tra, giải thích và yêu cầu những người có mặt nếu có đồ vật gì vi phạm pháp luật phải giao nộp ngay, ngay lúc đó Lù Quang T đã tự giác lấy từ ngăn tủ đựng quần áo ra giao nộp 01 bọc nilon màu đen bên trong chứa 10 T3i Methamphetamine có khối lượng 197,67 gam và 0,2 gam viên nén màu xanh không phải là ma túy. Khám xét nơi ở của Lù Quang T thu giữ 0,3 gam Methamphetamine. T khai nhận toàn bộ số ma Túy đó T cất giữ để sử dụng. Tổng khối lượng Methamphetamine thu giữ của Lù Quang T là 197,97 gam.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai của những người có nghĩa vụ liên quan, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 15 giờ 45 phút ngày 07/7/2021, Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 07/7/2021 và Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày

08/7/2021, phù hợp với Kết luận giám định, bản Cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo Lù Quang T không phải chịu trách nhiệm hình sự về khối lượng của 10 viên nén màu xanh có khối lượng 0,2 gam gửi giám định không phải là chất ma túy.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận hành vi tàng trữ trái phép khối lượng 197,97 gam Methamphetamine của bị cáo Lù Quang T đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự:

“4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

.....

b) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng 100 gam trở lên”

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân tỉnh Điện Biên truy tố đối với bị cáo Lù Quang T về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma Túy”* theo điểm b khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Lù Quang T là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Chất Methamphetamine được quy định trong danh mục các chất ma Túy có số thứ tự 323, danh mục II, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ. Đây là chất ma túy Nhà nước cấm sản xuất, vận chuyển, mua bán, tàng trữ trái phép. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến chế độ độc Q quản lý của Nhà nước về các chất ma Túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Mặt khác, ma túy là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Bị cáo bắt đầu sử dụng ma túy từ năm 2006, do không làm chủ được bản thân nên bị cáo vẫn mắc vào tệ nạn ma túy, mặc dù biết tác hại của ma túy và biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã coi thường pháp luật. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo Lù Quang T học hết lớp 7/12 thì bỏ học ở nhà, năm 2006 bị cáo kết hôn với chị Bùi Thị T1 và có 02 con chung. Bị cáo có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” vào năm 2016 và năm 2018, do đó bị cáo có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 19/01/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), ngày 10/5/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 07/11/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, ngày 31/10/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Tuy nhiên, ngày 07/7/2021 bị cáo tiếp tục có hành vi tàng trữ

trái phép chất ma túy. Như vậy, bị cáo Lù Quang T đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, bị cáo Lù Quang T bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra bị cáo còn có mẹ đẻ là bà Hà Thị L là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương chiến công hạng nhất. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Bị cáo Lù Quang T phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, tàng trữ trái phép ma túy với khối lượng hơn 100 gam. Bị cáo hoàn toàn hiểu biết, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nghiêm trọng, gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Nếu không được các cơ quan chức năng ngăn chặn kịp thời thì hậu quả mà bị cáo gây ra cho xã hội là rất nặng nề, làm gia tăng các con nghiện và biết bao nhiêu gia đình tan nát vì tệ nạn ma túy và chính từ những đối tượng nghiện hút này cũng là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Nhằm nghiêm trị những hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhất là tội phạm về ma túy; Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để tương xứng với tính chất, mức độ đặc biệt nghiêm trọng do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đồng thời cải tạo, giáo dục bị cáo, lấy đó làm bài học cảnh báo chung cho toàn xã hội, phục vụ cho công tác đấu tranh, ngăn ngừa, trấn áp loại tội phạm này trong tình hình hiện nay.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và người bào chữa cho bị cáo là có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm Q, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại điểm a, c khoản 1 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, số vật chứng đã thu giữ của bị cáo cần xử lý như sau:

- Đối với vật chứng là ma túy, sau khi trích mẫu gửi giám định còn lại: 192,76 gam Methamphetamine cùng toàn bộ vỏ gói, đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 0,24 gam Methamphetamine là mẫu vật hoàn lại theo Kết luận giám định số 799/QĐ-PC09 ngày 12/7/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên, đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI 1: 356819638582224; số IMEI 2: 356819639582223, bên trong có sim điện thoại số 0829.871.004, điện thoại đã cũ. Đây là phương tiện bị cáo dùng cho việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, số IMEI 1: 352353112318529, số IMEI 2: 352354112318527, bên trong có sim điện thoại số 0932.665.421, điện thoại đã cũ.

[7] Về án phí: Bị cáo Lù Quang T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về các vấn đề khác:

Theo lời khai của bị cáo Lù Quang T thì nguồn gốc số Methamphetamine bị thu giữ là của một người đàn ông dân tộc Mông tên là N, hiện tại đang cư trú ở Lào. Do bị cáo không biết địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở để điều tra làm rõ. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Đối với đối tượng Phan T Kiên, trú tại: Tổ dân phố 2, phường T2, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo lời khai của bị cáo thì bị cáo đã cho Kiên ma Túy để sử dụng. Tuy nhiên, qua điều tra Kiên không có mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, có căn cứ sẽ xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra trong khoảng thời gian ở Điện Biên Đông từ tối ngày 05/7/2021 đến trưa ngày 07/7/2021 T đưa 01 triệu đồng cho Hà Thị G đi mua Heroine và L, T, Q, T3, G cùng sử dụng. Qua điều tra và các lời khai tại phiên tòa chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L, T, Q, T3, G. Nên HĐXX không đặt vấn đề xử lý.

Ngoài lần bị bắt quả tang này T khai nhận đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma Túy với người đàn ông tên là N ở bên Lào và Đinh Văn T4 nhà ở tổ 3, phường T2, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. T đưa ma túy cho Vũ Văn L, sinh năm 1983, trú tại tổ 5, phường T1. Qua điều tra chưa đủ căn cứ để chứng minh T và các đối tượng trên về các lần mua bán ma túy này. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lù Quang T (tên gọi khác: không) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lù Quang T (tên gọi khác: không) **18 (mười tám)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (07/7/2021).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 192,76 gam Methamphetamine cùng toàn bộ vỏ gói là vật chứng còn lại sau khi giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành.

- 0,24 gam Methamphetamine là mẫu vật hoàn lại theo Kết luận giám định số 799/QĐ-PC09 ngày 12/7/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên.

*** Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:**

- 01 chiếc điện thoại di động, loại bàn phím, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI 1: 356819638582224; số IMEI 2: 356819639582223, bên trong có sim điện thoại số 0829.871.004, điện thoại đã cũ.

*** Trả lại cho bị cáo:**

- 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG, màu đen, số IMEI 1: 352353112318529, số IMEI 2: 352354112318527, bên trong có sim điện thoại số 0932.665.421, điện thoại đã cũ.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 25/01/2022).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lù Quang T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về Q kháng cáo đối với bản án: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có Q kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/3/2022)/.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN

Vũ Thị Thanh Thủy

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC04);
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thanh Thủy